

## **GIẢI PHÁP CẬP NHẬT NGUỒN TÀI LIỆU GIẢNG DẠY CHO CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA**

**ThS Trịnh Tất Đạt**

*Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa*

**ThS Vũ Văn Thạch**

*Trường Đại học Hà Nội*

### **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Để bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng dạy-học và nghiên cứu khoa học (NCKH), thư viện Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa (sau đây viết tắt là Nhà trường) cần tăng cường chia sẻ, cập nhật và đảm bảo chất lượng nguồn tài liệu tham khảo đặc thù theo chuyên ngành đào tạo và đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học. Vấn đề đặt ra là chất lượng nguồn tài liệu tham khảo phụ thuộc nhiều vào tính cập nhật, sự thống nhất trong việc xây dựng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết môn học/học phần, đáp ứng chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo; đồng thời chất lượng nguồn học liệu tham khảo trong thư viện lại được hình thành trong quá trình xây dựng chính sách, lựa chọn, bổ sung và thu thập tài liệu được đảm bảo duy trì, phát triển và phổ biến trong quá trình sử dụng. Do vậy, mối liên hệ có tính hệ thống giữa khoa, bộ môn, giảng viên (GV) với thư viện trong việc xây dựng nguồn học liệu tham khảo là thật sự cần thiết; vừa thỏa mãn nhu cầu thông tin của GV và người học, vừa đảm bảo tính cập nhật, chính xác, đầy đủ của nguồn học liệu tham khảo, phù hợp với tiêu chuẩn, yêu cầu của chương trình đào tạo. Qua đối sánh nguồn tài liệu giảng dạy với Thư viện Đại học Hà Nội, bài viết tập trung tìm hiểu thực trạng và giải pháp đảm bảo khả năng cập nhật nguồn học liệu tham khảo cho các ngành đào tạo trong Nhà trường.

### **1. VAI TRÒ CỦA TÀI LIỆU GIẢNG DẠY**

Đổi mới hoạt động giảng dạy, học tập theo phương thức tín chỉ yêu cầu GV nắm bắt, cập nhật những thông tin mới thường

xuyên, để vận dụng thiết kế bài giảng phù hợp; người học tìm tài liệu, khai thác thông tin, tư liệu học liệu hiệu quả thì chất lượng học tập và khả năng nghiên cứu khoa học sẽ được nâng cao rõ rệt.

Với phương thức dạy và học mới, người học được cung cấp nguồn thông tin đa dạng và cập nhật trước khi lên lớp, nguồn tài liệu giảng dạy trong thư viện hỗ trợ đắc lực cho quá trình tự học của người học. Cùng với đó, GV lại tiếp thu những kiến thức mà chính mình đang giảng dạy, nhìn nhận thông qua trao đổi, thảo luận với người học. Đôi khi những thông tin GV nhận được là những thông tin mới mà bản thân GV chưa được tiếp cận. Có thể nói, đây là quá trình truyền thụ-tiếp thu kiến thức một cách đầy đủ, chủ động và có tính sáng tạo.

Hoạt động học tập của người học sẽ thực sự có chất lượng khi thực hiện được trong cả bốn môi trường (lớp học, thư viện, cơ sở thực nghiệm và môi trường thực tế). Trong đó, thư viện có vai trò quan trọng trong việc rèn luyện tính độc lập, sáng tạo của người học. Người học phải học một cách thông minh hơn, chủ động hơn qua việc phân tích, tổng luận những tài liệu tra tìm được ở thư viện, từ đó xóa bỏ lối học thụ động, khuyến khích việc tự học, tự nghiên cứu, kích thích sự chủ động của người học.

Với vai trò như vậy, nguồn tài liệu giảng dạy trong thư viện cần được đầu tư đúng mức, giúp GV và người học tiếp cận tri thức một cách nhanh nhất, chính xác nhất, thỏa mãn yêu cầu của hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học. Đầu tư cho thư viện cũng chính là đầu tư cho một trong những

cơ sở vật chất dùng chung có tính nền tảng, tác động tích cực đến hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực. Khi chương trình, nội dung hay phương pháp dạy học thay đổi kéo theo các điều kiện hỗ trợ cho thư viện như mặt bằng, trang thiết bị, nguồn nhân lực,... cần phải đặc biệt chú trọng đến việc đột phá trong nâng cao năng lực cung ứng thông tin, tài liệu giảng dạy thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của GV, người học trong trường đại học.

## 2. THỰC TRẠNG NGUỒN HỌC LIỆU GIẢNG DẠY CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO

P. Clayton, G.E. Gorman (2006) với quan điểm lấy nguồn lực thông tin làm trung tâm, cho rằng mỗi cuốn sách, mỗi loại tài liệu đều có giá trị ngang nhau và một tài liệu hiện được ưu chuộng thì tương lai cũng vẫn được ưa chuộng [1].

Để có cơ sở đánh giá quy mô, mức độ đầy đủ của nguồn TLGD của Nhà trường, chúng tôi thực hiện lựa chọn Trường Đại học Hà Nội để so sánh, với lý do: cùng thuộc hệ thống cơ sở giáo dục đại học, đã đạt chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học (trong đó có tiêu chí hoạt động thư viện); Trường Đại học Hà Nội có các ngành học tương đồng; nguồn TLGD của Trường Đại học Hà Nội tương đồng về quy mô và mức độ đầy đủ cho các khối ngành được so sánh.

Đây là cơ sở để thư viện Nhà trường đánh giá, kiểm tra về quy mô, nội dung, mức độ cập nhật, đầy đủ của nguồn tài liệu giảng dạy, từ việc chỉ ra tổng số bản, các loại tài liệu sẵn sàng phục vụ và tính thời sự của chúng; đồng thời phân tích mức độ cập nhật, loại hình tài liệu là cơ sở đưa ra giải pháp cập nhật nguồn TLGD trong Nhà trường.

**Bảng 1: So sánh quy mô nguồn học liệu**

| STT | Tiêu chí                         | Trường Đại học VH, TT&DL Thanh Hóa | Trường Đại học Hà Nội |
|-----|----------------------------------|------------------------------------|-----------------------|
| 1.  | Tổng số nguồn tài liệu giảng dạy | 32.522 bản                         | 48.944 bản            |
| 2.  | Tổng số người học                | 3.045 người học                    | 15.072 người học      |
| 3.  | Các khối ngành                   | I, III, IV và VII                  | Từ I đến VII          |

- Về quy mô nguồn học liệu: Căn cứ vào tỷ lệ của các loại tài liệu được tham khảo theo từng khối ngành để đánh giá nguồn học liệu được thu thập có phù hợp với các ngành đào tạo hay không?. Được thể hiện bằng tỷ lệ số lượng bản tài liệu các loại tính trên tổng số người học, kết quả Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa đạt 10,68 bản học liệu/người học; trong khi đó so với Thư viện Đại học Hà Nội là 3,24 bản học liệu/người học. Điều này cho thấy quy mô nguồn tài liệu giảng dạy của Nhà

trường khá cao, tuy nhiên tổng số người học của Nhà trường lại thấp hơn nhiều (chỉ đạt 20,2% so với Trường Đại học Hà Nội).

- Mức độ đầy đủ của nguồn học liệu thể hiện sự đầy đủ và đang dạng, đáp ứng nhu cầu thông tin của GV, người học. Nhiệm vụ của thư viện là đảm bảo đầy đủ nguồn học liệu phục vụ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, do đó nguồn học liệu phải bao quát toàn diện cho các ngành đào tạo. Nguồn tài liệu giảng dạy của Trường Đại học Hà Nội có diện bao phủ của các khối

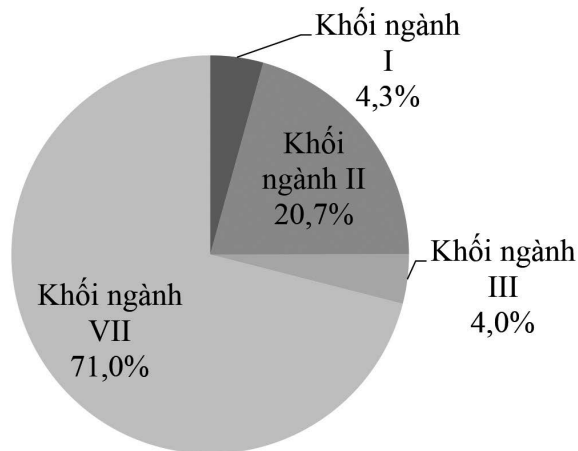
ngành từ I đến VII với 48.944 bản (chiếm 60,1%), trong khi đó nguồn tài liệu của Nhà trường bao phủ các khối ngành I, II, III và VII với 32.522 bản (chiếm 39,9%) [2], có sự tương đồng về số lượng bản tài liệu cho khối ngành I và sự chênh lệch ở các khối ngành khác giữa hai trường (Bảng 1).

Về nguồn tài liệu giảng dạy của Nhà

trường, theo Hình 1, tính đến năm 2021, cho thấy tỷ lệ mức độ đầy đủ về nguồn học liệu các khối ngành không đồng đều (khối ngành I với 03 ngành đào tạo, chỉ đạt 4,0% trong khi đó khối ngành III với 01 ngành đào tạo đã đạt 4,0%; khối ngành II-nghệ thuật với 03 ngành đào tạo đạt tới 21%,...).

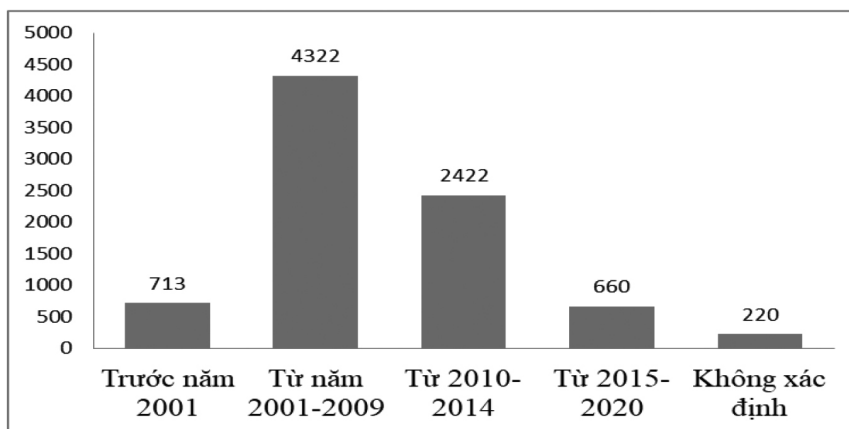
**Bảng 2:.. Số lượng học liệu theo khối ngành**

| STT | Khối ngành                                                                                                                                                                                                                | Nguồn tài liệu giảng dạy<br>(số bản)          |                              | Ghi chú        |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------|----------------|
|     |                                                                                                                                                                                                                           | <i>Trường Đại học VH, TT&amp;DL Thanh Hóa</i> | <i>Trường Đại học Hà Nội</i> |                |
| 1.  | Khối ngành I ( <i>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</i> )                                                                                                                                                            | 1.400                                         | 1.446                        | Tương đồng     |
| 2.  | Khối ngành II ( <i>Nghệ thuật</i> )                                                                                                                                                                                       | 6.725                                         | 2.359                        | Cao hơn        |
| 3.  | Khối ngành III ( <i>Kinh doanh và quản lý, Pháp luật</i> )                                                                                                                                                                | 1.300                                         | 5.205                        | Thấp hơn       |
| 4.  | Khối ngành IV ( <i>Khoa học sự sống, Khoa học tự nhiên</i> )                                                                                                                                                              |                                               | 499                          | Không đối sánh |
| 5.  | Khối ngành V ( <i>Toán và thống kê, Máy tính và công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Sản xuất và chế biến, Kiến trúc và xây dựng, Nông lâm và thủy sản, Thú y</i> )                                         |                                               | 2.100                        | Không đối sánh |
| 6.  | Khối ngành VI ( <i>Sức khỏe</i> )                                                                                                                                                                                         |                                               | 623                          | Không đối sánh |
| 7.  | Khối ngành VII ( <i>Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Báo chí và thông tin, Dịch vụ xã hội, Khách sạn-du lịch-thể thao và dịch vụ cá nhân, Dịch vụ vận tải, Môi trường và bảo vệ môi trường, An ninh quốc phòng</i> ) | 23.097                                        | 36.712                       | Thấp hơn       |
|     | <b>Tổng</b>                                                                                                                                                                                                               | <b>32.522</b>                                 | <b>48.944</b>                |                |

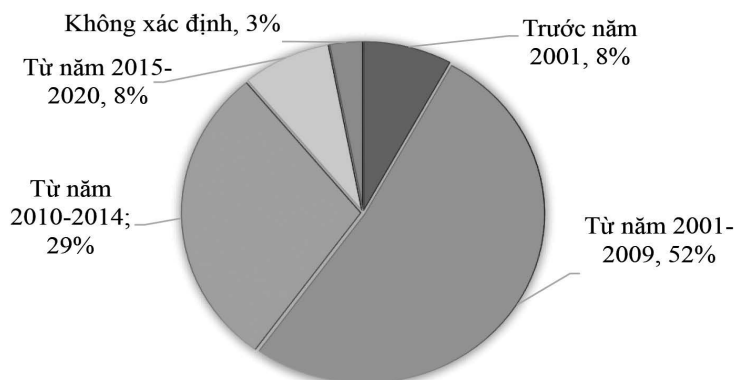


**Hình 1. Tỷ lệ phần trăm nguồn học liệu theo khối ngành**

- Mức độ cập nhật của nguồn học liệu: Đây là yếu tố rất quan trọng, quyết định đến chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn học liệu của thư viện góp phần hỗ trợ các ngành đào tạo trong Nhà trường.



**Hình 2. Số bản học liệu phân chia theo năm xuất bản**

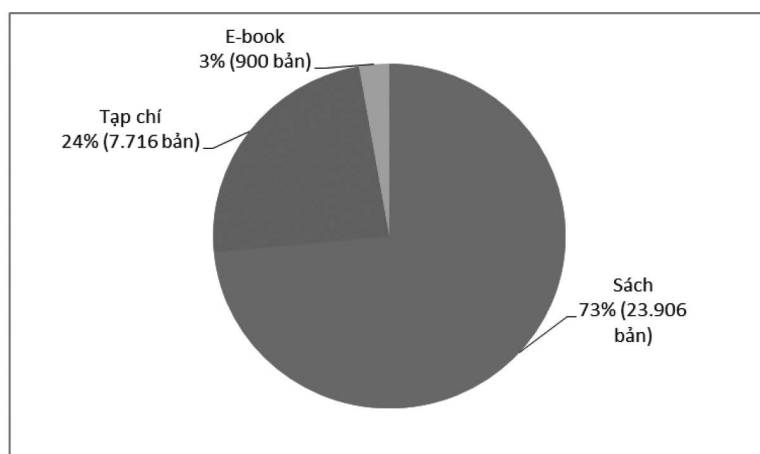


**Hình 3. Tỷ lệ nguồn học liệu phân chia theo năm xuất bản**

Mức độ cập nhật thể hiện tỷ lệ số bản tài liệu được bổ sung vào thư viện hằng năm và năm xuất bản tài liệu. Năm xuất bản càng mới, mức độ cập nhật thông tin càng cao và lượng nhu cầu sử dụng càng lớn. Ngược lại, khoảng thời gian kể từ sau khi ấn phẩm được xuất bản càng tăng thì sự lão hóa của thông tin càng lớn, số người tìm đọc tài liệu càng giảm. Hình 2 và 3 cho thấy, tỷ lệ lỗi thời của nguồn học liệu của Nhà trường tương đối cao, thể hiện ở tỷ lệ tới 52% nguồn học liệu xuất bản từ năm 2001-2009, học liệu xuất bản trước năm 2001 cũng chiếm tới 8%; tổng số nguồn học liệu xuất bản trong 6 năm trở lại đây là thấp, chỉ đạt 8% và học liệu xuất bản từ năm 2010-2014 chiếm 29%, trong khi đó nguồn không xác định năm xuất bản là 3%. Do vậy, các khoa, bộ môn và GV

cần quan tâm phối hợp với thư viện trong việc lựa chọn bổ sung kịp thời nguồn học liệu cho các ngành đào tạo, đảm bảo đủ về số lượng và tính cập nhật về năm xuất bản, tiến tới kiểm định đánh giá chương trình đào tạo.

- Về loại hình tài liệu: Bên cạnh những tài liệu đã xuất bản theo phương thức truyền thống (dạng sách in chiếm 73% với 23.906 bản, tạp chí chiếm 24% với 7.716 bản) là những tài liệu điện tử như e-book (chiếm chỉ 3% với 900 bản). Ngoài ra, thư viện Nhà trường có kết nối các cơ sở dữ liệu mở, dùng chung của các thư viện và trung tâm thông tin,... Sự gia tăng về số lượng, đa dạng về hình thức tài liệu tạo ra những khó khăn trong việc lựa chọn tài liệu đối với cán bộ thư viện và cho cả GV, người học.



**Hình 4.** Tỷ lệ nguồn tài liệu giảng dạy theo loại hình

Với sự phát triển của công nghệ thông tin và xuất hiện nhiều dự án xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung cho các trường đại học, Thư viện Nhà trường đã tham gia Liên Chi hội Thư viện đại học Khu vực phía Bắc, sẽ được thụ hưởng nguồn học liệu điện tử mở của các trường đại học, từ đó sẽ triển khai cho GV và người học sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu dạy-học và nghiên cứu khoa học.

### 3. GIẢI PHÁP CẬP NHẬT NGUỒN TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

Thứ nhất, xây dựng quy định lựa chọn,

bổ sung nguồn học liệu phục vụ việc dạy-học các ngành đào tạo. Đây là chính sách phát triển nguồn học liệu của thư viện, là văn bản quan trọng nhất của mỗi thư viện, nhằm thực hiện chức năng quản lý, tạo quan điểm nhất quán trong tổ chức công tác phát triển nguồn học liệu cho các ngành đào tạo, hỗ trợ lập kế hoạch và phân bổ kinh phí. Quy định sẽ giúp thư viện xác định mức độ ưu tiên lựa chọn tài liệu của các chủ đề, loại hình để đảm bảo tính đầy đủ về nội dung và hình thức tài liệu. Từ đó, thư viện xác định được mục tiêu trước mắt cũng như lâu dài

để xây dựng và phát triển nguồn học liệu, đảm bảo chất lượng trong từng giai đoạn cụ thể. Nội dung văn bản tập trung một số vấn đề sau:

- Tăng cường nguồn học liệu dạng sách in cho các ngành đào tạo đảm bảo tính cập nhật, phù hợp với chương trình đào tạo;
- Tăng cường xây dựng, bổ sung tài liệu điện tử (e-book);
- Mở rộng và tăng cường chia sẻ, kết nối dùng chung nguồn học liệu có chất lượng;
- Tham gia các Hội nghề nghiệp, tìm kiếm dự án của các tổ chức trong và ngoài nước như Quỹ châu Á,... để phát triển nguồn học liệu ngoại văn.

*Thứ hai*, khoa, bộ môn là đơn vị có vai trò quan trọng trong việc lựa chọn, cập nhật nguồn học liệu cho thư viện, vừa đáp ứng nhu cầu dạy-học, nghiên cứu khoa học vừa đảm bảo thống nhất trong việc sử dụng nguồn học liệu phục vụ hoạt động đánh giá chương trình đào tạo các ngành đào tạo giai đoạn tiếp theo. Sự hợp tác này sẽ xây dựng được nguồn học liệu nội sinh cho các ngành đào tạo thông qua quá trình hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Nguồn học liệu nội sinh phản ánh đầy đủ, có hệ thống về các thành tựu, tiềm lực cũng như hướng phát triển của Nhà trường; tạo ra đặc điểm khác biệt nổi bật của mỗi thư viện trong thị trường thông tin cạnh tranh, để phân biệt thư viện đại học này với thư viện khác [1].

*Thứ ba*, các giải pháp hỗ trợ đó là: tăng cường các hoạt động marketing để thu hút GV và người học khai thác các nguồn học liệu có hiệu quả; đồng thời nguồn nhân lực thư viện cần phải được đào tạo, bồi dưỡng và tự nâng cao trình độ chuyên môn, bổ sung kiến thức, kỹ năng mới, đảm bảo lựa chọn được nguồn học liệu có chất lượng, cập nhật, hướng đến tiếp cận “bạn đọc làm trung tâm” phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học.

## KẾT LUẬN

*Thứ nhất*, xây dựng nguồn học liệu có tính cập nhật, chất lượng sẽ tăng cường vai trò của cửa khoa, bộ môn và GV, từ đó thư viện như “giảng đường thứ hai của trường đại học”, là “cầu nối quan trọng” hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Xây dựng nguồn học liệu cập nhật, có chất lượng là điều kiện quan trọng để đảm bảo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của cơ sở giáo dục đại học, là điều kiện cấp thiết kiểm định về chương trình đào tạo.

*Thứ hai*, khoa, bộ môn và GV duy trì mối liên hệ qua lại với thư viện trong việc xây dựng, lựa chọn, phổ biến nguồn tài liệu giảng dạy cho từng môn học/học phần, ngành đào tạo. Một mặt, thư viện nắm bắt được nhu cầu của giảng viên, mặt khác, kịp thời bổ sung nguồn học liệu mới khi có sự thay đổi cập nhật chương trình đào tạo, trao đổi về nguồn học liệu mới bổ sung, cách thức lựa chọn sách, sử dụng bộ sưu tập số, cơ sở dữ liệu điện tử,... Từ đó, thư viện đổi mới phương thức phục vụ, phát triển bộ sưu tập, dịch vụ thư viện đáp ứng nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu khoa học của giảng viên; định kỳ thường xuyên GV cập nhật nguồn lực thông tin thông qua trang web, cơ sở dữ liệu,... của thư viện để lựa chọn, cập nhật những thông tin mới hỗ trợ hoạt động giảng dạy.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Đại học KHXH&NV, Trường Đại học Vinh (2014). Hoạt động TT-TV với vấn đề đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học, Sách chuyên khảo, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa (2021). Báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Giai đoạn đánh giá: 2016-2020).